

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## ĐỀ 9

## I. TRẮC NGHIỆM

1.B	2.C	3.C	4.D	5.D	6.B
-----	-----	-----	-----	-----	-----

**Câu 1:** Chữ số 3 trong số thập phân của số 465,732 thuộc hàng nào?

- A. Hàng chục.                      B. Hàng phần trăm.                      C. Hàng phần mười.                      D. Hàng trăm.

**Phương pháp:**

Chữ số 3 trong số thập phân của số 465,732 thuộc hàng phần trăm.

**Cách giải:**

Chữ số 3 trong số thập phân của số 465,732 thuộc hàng phần trăm.

**Chọn B.**

**Câu 2:** Hỗn số  $8\frac{25}{100}$  chuyển thành số thập phân nào?

- A. 8,205                      B. 82,5                      C. 8,25                      D. 8,025

**Phương pháp:**

Hỗn số  $8\frac{25}{100}$  chuyển thành số thập phân: 8,25.

**Cách giải:**

Hỗn số  $8\frac{25}{100}$  chuyển thành số thập phân: 8,25.

**Chọn C.**

**Câu 3:** Số thập phân gồm có: ba trăm linh tám đơn vị, năm phần trăm, chín phần nghìn được viết:

- A. 308,59                      B. 308,509                      C. 308,059                      D. 308,590

**Phương pháp:**

Số thập phân gồm có: ba trăm linh tám đơn vị, năm phần trăm, chín phần nghìn được viết: 308,059.

**Cách giải:**

Số thập phân gồm có: ba trăm linh tám đơn vị, năm phần trăm, chín phần nghìn được viết: 308,059.

**Chọn C.**

**Câu 4:** Số lớn nhất trong các số 8,09; 7,99; 8,89; 8,9 là:

- A. 8,09                      B. 7,99                      C. 8,89                      D. 8,9

**Phương pháp:**

Số lớn nhất trong các số 8,09; 7,99; 8,89; 8,9 là: 8,9.

**Cách giải:**

Số lớn nhất trong các số 8,09; 7,99; 8,89; 8,9 là: 8,9.

**Chọn D.**

**Câu 5:** 7m 56cm = .....m. Số thập phân thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 70,56                      B. 7,056                      C. 7,506                      D. 7,56

**Phương pháp:**

Áp dụng cách đổi:  $1\text{cm} = 0,01\text{ m}$

**Cách giải:**

$$7\text{m}56\text{cm} = 7\frac{56}{100}\text{m} = 7,56\text{m}$$

**Chọn D.**

**Câu 6:**  $6\text{m}^2 8\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$ . Số thập phân thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 6,8

B. 6,08

C. 0,68

D. 6,008

**Phương pháp:**

Áp dụng cách đổi:  $1\text{dm}^2 = 0,01\text{ m}^2$

**Cách giải:**

Ta có:  $6\text{m}^2 8\text{dm}^2 = 6\frac{8}{100}\text{m}^2 = 6,08\text{m}^2$ .

**Chọn B.****II. TỰ LUẬN**

**Câu 7:** Viết số thập phân có:

a) Tám trăm linh hai đơn vị, sáu phần trăm: .....

b) Năm đơn vị, bảy phần mười, hai phần nghìn: .....

**Phương pháp:**

Dựa vào cấu tạo của số thập phân để viết lại số.

**Cách giải:**

a) Tám trăm linh hai đơn vị, sáu phần trăm: 802,06

b) Năm đơn vị, bảy phần mười, hai phần nghìn: 5,702

**Câu 8:** Viết các số thập phân sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

0,32; 0,197; 0,4; 0,321; 0,187.

**Phương pháp:**

So sánh các số thập phân rồi sắp xếp chúng theo thứ tự từ bé đến lớn.

**Cách giải:**

Các số thập phân đã cho được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: 0,187; 0,197; 0,32; 0,321; 0,4.

**Câu 9:** Viết các số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a)  $2\text{m} 5\text{dm} = \dots\dots\dots \text{m}$

b)  $4\text{ tấn } 5\text{ kg} = \dots\dots\dots \text{ tấn}$

c)  $12\text{m}^2 6\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$

$5\text{ kg } 6\text{g} = \dots\dots\dots \text{ kg}$

**Phương pháp:**

Áp dụng cách đổi:

$1\text{m} = 10\text{ dm}$  ;  $1\text{ tấn} = 1000\text{ kg}$

$1\text{m}^2 = 100\text{ dm}^2$  ;  $1\text{kg} = 1000\text{ g}$

**Cách giải:**

a)  $2\text{m} 5\text{dm} = \mathbf{2,5\text{ m}}$

b)  $4\text{ tấn } 5\text{ kg} = \mathbf{4,005\text{ tấn}}$

c)  $12\text{m}^2 6\text{dm}^2 = 12,06 \text{ m}^2$

$5 \text{ kg } 6\text{g} = 5,006 \text{ kg}$

**Câu 10:** Bạn Lan mua 25 quyển vở hết 75 000 đồng. Hỏi bạn Hà muốn mua ba chục quyển vở như thế thì phải trả người bán hàng bao nhiêu tiền?

**Phương pháp:**

Giải bài toán bằng phương pháp rút về đơn vị.

**Cách giải:**

Số tiền của một quyển vở là:

$$75000 : 25 = 3000 \text{ (đồng)}$$

Bạn Hà muốn mua ba chục quyển vở như thế thì phải trả người bán hàng số tiền là:

$$30 \times 3000 = 90000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 90 000 đồng.

**Chọn B.**

**Câu 11:** Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 150 m. Chiều rộng bằng  $\frac{3}{5}$  chiều dài.

a) Tính diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó.

b) Trung bình cứ 100 m<sup>2</sup> người ta thu hoạch được 60 kg thóc. Hỏi cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

**Phương pháp:**

Tính chiều rộng thửa ruộng, sau đó tính diện tích của thửa ruộng đó, rồi tính số tạ thóc thu được trên thửa ruộng đó.

**Cách giải:**

a) Chiều rộng thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$150 \times \frac{3}{5} = 90 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó là:

$$150 \times 90 = 13500 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được số tạ thóc là:

$$13500 : 100 \times 60 = 8100 \text{ (kg)}$$

Đổi: 8100 kg = 81 tạ.

Đáp số: a) 13500 m<sup>2</sup>

b) 81 tạ thóc.